

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36 /2024/HS - PT

Ngày 03 tháng 5 năm 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Thẩm phán: Ông Chu T Vương và ông Ngô Thế Tương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Chương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2024/TLPT-HS ngày 28 tháng 3 năm 2024 do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Ng, đối với bản án hình sự sơ thẩm số 13/2024/HS-ST ngày 05/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2024/QĐXXPT-HS ngày 19 tháng 4 năm 2024.

- Bị cáo kháng cáo:

Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1976 tại thị trấn H, huyện H tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: tổ dân phố N, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Tr; không có chồng; con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không.

Quyết định khởi tố bị can số 26 ngày 27/12/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Hưng Hà đối với bị cáo Nguyễn Thị Ng, do có hành vi “xâm

phạm chỗ ở của người khác”, bị bắt tạm giam theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 03 ngày 27/12/2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam - Công an tỉnh Thái Bình, bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

- Bị cáo không kháng cáo nhưng có liên quan đến kháng cáo:

Lê Tụ T, sinh năm 1965 tại huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: tổ dân phố N, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Tụ B (là liệt sỹ) và bà Nguyễn Thị Tr; vợ Nguyễn Thị Ng; con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1994, con nhỏ nhất sinh năm 2008.

Tiền án: không.

Tiền sự: Ngày 03/01/2023, UBND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xử phạt T 3.500.000 đồng về hành vi “ vô ý gây thương tích” và “ Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Nhân thân: Bản án số 1255/2001/HSPT ngày 26/7/2001 của Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt T 12 năm tù về tội “ Giết người”.

Quyết định khởi tố bị can số 51 ngày 15/01/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Hưng Hà đối với bị cáo Lê Tụ T, do có hành vi “ cố ý làm hư hỏng tài sản”, bị bắt tạm giam theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 44 ngày 15/01/2024. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam – Công an tỉnh Thái Bình, bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Lê Tụ T, sinh năm 1965 (đồng thời là bị cáo trong vụ án).

Địa chỉ: tổ dân phố N, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

+ Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1976 (đồng thời là bị cáo trong vụ án).

Địa chỉ: tổ dân phố N, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do bức xúc việc Ng và ông M (là bố Ng) có hành vi xâm phạm chỗ ở, đuổi bà Nguyễn Thị Tr (mẹ đẻ của Ng và T) ra khỏi nhà, cắt, thay khoá cửa ở nghẽn giữa nhà bà Trang và nhà T nên khoảng 07 giờ 40 phút ngày 13/5/2023, khi thấy Ng và con gái là cháu Á đến mở cổng nhà bà Trang; T đi từ lán đối diện sang cãi chửi nhau với Ng. Sau đó T về lán, Ng tiếp tục chửi nên tay trái T cầm chiếc điều cày bằng nửa khô, lỗ điều bằng kim loại chạy sang, giơ lên vụt một nhát từ trên xuống dưới vào vùng đầu của Ng; tay phải Ng cầm then cửa bằng kim loại vụt về

phía T nhưng T dùng tay phải bắt được và tiếp tục dùng tay trái vọt điều cày về phía Ng. Ng rút tay cầm then cửa khỏi tay T, giờ lên đ Á về phía T, T lùi lại phía sau, Ng vọt hụt làm then cửa rơi xuống đất. T đi đến chỗ Ng dùng điều cày vọt vào phần dưới nách phải và tay Ng, cháu Á can ngăn, T đẩy cháu Á ngã, điều cày bị rơi vỡ, T lùi lại phía sau. Ng cúi xuống nhặt then cửa ném trúng vào vùng bụng của T, T nhặt điều cày đ Á một nhát vào phần dưới nách phải của Ng, cháu Á cầm cổ áo đằng sau kéo T lại, T tiếp tục đi lại phía Ng giờ điều cày vọt 01 nhát trúng vào vùng miệng của Ng làm gãy chân răng 1.2, thấy vậy cháu Á đi đến dùng hay tay đẩy vào phía đầu của T để T lùi lại. Ng tay phải cầm ghế gỗ ném về phía T, T giờ hai tay lên đỡ nên phần cạnh ghế trúng vào đốt 3 ngón 3 bàn tay phải, do bị thương nên T lùi lại đứng dưới lòng đường trước cửa nhà chị Loan, Ng quay lại nhà bà Trang rút ra 01 chiếc đồng tự chế dài 147cm đuôi theo vọt về phía T nhưng T đỡ được và giằng co chiếc đồng với Ng, lúc này có một người đi đường can ngăn giằng chiếc đồng vút vào lề đường. T và Ng tiếp tục đ Á nhau, T dùng tay trái túm tóc, tay phải bóp vào cổ, vật Ng ngã ngửa ra đường; Ng dùng hai tay cào, cấu vào cổ, mặt, cằm, nghiêng vào ngón trỏ bàn tay phải của T dẫn tới rách da, chảy máu, được mọi người can ngăn nên hai bên không đ Á nhau nữa.

-Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 267/KLTTCT-TTPY ngày 03/7/2023 của trung tâm pháp y – Sở y tế Thái Bình đối với Lê Tự T kết luận:

“ 1. Các kết quả chính: mặt trước ngón 2 bàn tay phải có vết sẹo, hạn chế gấp khớp liên đốt xa ngón 2 bàn tay phải cuối tầm vận động (không cứng khớp) (không cho điểm tỷ lệ theo thông tư).

- Kết quả chụp X quang xương bàn tay phải ngày 23/6/2023 tại bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình: gãy đốt 3 ngón 3 bàn tay phải.

2. Kết luận: Căn cứ thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y tâm thần, xác định. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của từng tương tích đối với Lê Tự T tại thời điểm giám định: mặt trước ngón 2 bàn tay phải có vết sẹo 01%, Gãy đốt 3 ngón 3 bàn tay phải 01%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với Lê Tự T tại thời điểm giám định là 02%”. Công văn số 128 ngày 03/8/2028 của trung tâm pháp y – Sở y tế Thái Bình xác định cơ chế hình thành vết thương là do vật tày cứng gây nên.

-Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 235/KLTTCT-TTPYTTPY ngày 24/7/2023 của trung tâm pháp y – Sở y tế Thái Bình đối với Nguyễn Thị Ng, kết luận:

“ 1. Các kết quả chính: gãy 1/3 xương dưới răng R1.2 đã được nhổ răng R1.2.2
 2. Kết luận: Căn cứ thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định. Tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với Nguyễn Thị Ng tại thời điểm giám định gãy 1/3 xương dưới răng R1.2 đã được nhổ răng R1.2.2: 02%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với Nguyễn Thị Ng tại thời điểm giám định là 02%”. Công văn số 129 ngày 03/8/2028 của trung tâm pháp y – Sở y tế Thái Bình xác định cơ chế hình thành vết thương là do vật tày cứng gây nên.

Bản kết luận giám định số 981 ngày 10/7/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thái Bình, kết luận: “ không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa về nội dung, hình ảnh của 01 tập tin vi deo gửi giám định. Hình ảnh diễn biến liên quan đến vụ việc trong tập tin video gửi giám định được trích xuất mô tả trong phụ lục đính kèm theo kết luận giám định.

Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2024/HS-ST ngày 05/02/2024 của Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

1. Về tội danh: tuyên bố các bị cáo Lê Tự T, Nguyễn Thị Ng phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm s, x khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Tự T 08 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134, điểm i khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ng 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các điều 584,585,586,587, 590 Bộ luật Dân sự: buộc bị cáo T, Ng phải bồi thường cho nhau cụ thể:

- Bị cáo T bồi thường cho bị cáo Ng: Tiền công không lao động được trong 11 ngày nằm viện là $11 \times 300.000 \text{ đồng/ ngày} = 3.300.000 \text{ đồng}$.

Tiền công người phục vụ trong 11 ngày nằm viện là $11 \times 300.000 \text{ đồng/ ngày} = 3.300.000 \text{ đồng}$.

Chi phí điều trị tại bệnh viện Hưng Hà: 649.000 đồng. Tổng cộng là 7.249.000 đồng.

- Bị cáo Ng bồi thường cho bị cáo T: Tiền công không lao động được trong 06 ngày nằm viện là $06 \times 300.000 \text{ đồng/ ngày} = 1.800.000 \text{ đồng}$.

Tiền công người phục vụ trong 06 ngày nằm viện là 06 x 300.000 đồng/ ngày = 1.800.000 đồng. Tổng cộng là 3.600.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 16/02/2024 bị cáo kháng cáo toàn bộ bản án.

Ngày 19/4/2024 bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Ng giữ nguyên kháng cáo, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm vì: bị cáo không cãi nhau với T, nhà đất tranh chấp đang đợi cơ quan có thẩm quyền giải quyết, án sơ thẩm ghi nguyên nhân xảy ra xô xát là do bị cáo đuổi bà Trang ra khỏi nhà là không đúng. Do T dùng điều cày vọt, đ Á bị cáo nên bị cáo có dùng then cửa bằng sắt, ghế gỗ ném bị cáo T, dùng đồng vọt bị cáo T chứ bị cáo không đ Á bị cáo T. Trên người bị cáo còn nhiều vết thương chưa được giám định nên đề nghị giám định lại. Về trách nhiệm dân sự do đề nghị hủy án sơ thẩm nên bị cáo không có yêu cầu gì.

Bị cáo Lê Tự T khai diễn biến toàn bộ sự việc như bản án sơ thẩm, không nhất trí với lời khai và kháng cáo của bị cáo Ng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình sau khi phân tích toàn bộ nội dung vụ án, kháng cáo của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Ng, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Ng không nhất trí với đề nghị của VKSND tỉnh Thái Bình.

Bị cáo T không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo Ng nói lời sau cùng: bị cáo T từ trước đến nay rất hay gây sự để đ Á bị cáo, bị cáo là mẹ đơn thân phải nuôi ba con nên đề nghị HĐXX xem xét kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Ng làm trong thời hạn luật định nên được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Ng:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Ng khẳng định không gây thương tích cho T song căn cứ vào các chứng cứ sau: Video do bị cáo Ng giao nộp cho cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Hưng Hà,

đã được trưng cầu giám định và kết luận không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa về nội dung, hình ảnh của 01 tập tin vi deo. Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra ngày 26/5/2023, 30/5/2023, 04/8/2023, 29/8/2023 (từ bút lục 247-286) với diễn biến hành vi như án sơ thẩm đã nêu, bị cáo Ng khẳng định “ quá trình xô xát đ Á nhau giữa tôi và T không ai khác tham gia đ Á tôi và T, chỉ có tôi và T đ Á nhau, bản thân tôi không đ Á ai khác.....” (bút lục 253). Lời khai của bị cáo Lê Tự T. Lời khai của người làm chứng là cháu Nguyễn Thị Ngọc Á (bút lục 282-283), chị Nguyễn Thị Loan (bút lục 269-270), chị Nguyễn Thị Huyền (bút lục 273-274). Có đủ cơ sở kết luận: khoảng 07 giờ 40 phút ngày 13/5/2023 trong khi xảy ra xô xát bị cáo T dùng điều cày (là hung khí nguy hiểm) vụt Ng vào vùng đầu, nách phải, miệng làm gãy gãy 1/3 xương dưới răng R1.2 gây thương tích 2%, sau đó dùng tay túm tóc, bóp cổ Ng. Ng dùng then cửa bằng sắt vụt, ném về phía T, dùng ghế gỗ (là hung khí nguy hiểm) ném vào ngón 3 bàn tay phải, cắn vào ngón trỏ bàn tay phải gây thương tích 02%. Do vậy Toà án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo T và bị cáo Ng về tội “ “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, nên bị cáo Ng cho rằng không phạm tội là không có căn cứ.

[2.2] Bị cáo Ng đề nghị giám định lại vì còn nhiều vết thương chưa được xác định tỷ lệ thương tích, song căn cứ vào giấy chứng nhận thương tích ban đầu, bệnh án điều trị của bị cáo tại Bệnh viện đa khoa huyện Hưng Hà, kết quả khám khi thực hiện giám định, kết luận giám định thấy không có cơ sở chấp nhận đề nghị của bị cáo.

[2.3] Về hình phạt: bị cáo T và bị cáo Ng gây thương tích cho nhau, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với mỗi bị cáo là 2%. Bị cáo T được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, có bố đẻ là liệt sỹ được quy định tại điểm s, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Ng được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Song do bị cáo T có nhân thân xấu, có 01 tiền sự, nên Tòa án sơ thẩm xử phạt bị cáo T mức hình phạt cao hơn bị cáo Ng là phù hợp.

[2.4] Về trách nhiệm dân sự:

[2.4.1] Trách nhiệm dân sự của Ng do có hành vi gây thương tích cho T: bị cáo T đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, căn cứ vào các điều 584,585,586,587, 590 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Ng phải bồi thường:

- Về chi phí điều trị của T tại Bệnh viện đa khoa huyện Hưng Hà từ ngày 13/5/2023 đến ngày 18/5/2023: T là con liệt sỹ nên được bảo hiểm thanh toán 100%;

- Tiền công không lao động được của T trong thời gian điều trị: tại phiên tòa phúc thẩm, con bị cáo Ng là cháu Á giao nộp hình ảnh trích xuất từ camera để chứng minh bị cáo T không phải nằm viện điều trị, song căn cứ vào hồ sơ bệnh án do Bệnh viện đa khoa Hưng Hà cung cấp thì bị cáo T nằm viện từ ngày 13/5/2023 đến ngày 18/5/2023, bị cáo T bị thương ở tay nên không thể lao động được, do vậy Tòa sơ thẩm tính tiền công không lao động được của T trong 6 ngày nằm viện là: $6 \times 300.000 \text{ đồng/ ngày} = 1.800.000 \text{ đồng}$. Tiền công không lao động được của người chăm sóc T trong 6 ngày $\times 300.000 \text{ đồng/ ngày} = 1.800.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng 3.600.000 đồng là phù hợp với thu nhập bình quân tại địa phương.

[2.4.2] Trách nhiệm dân sự của T do có hành vi gây thương tích cho Ng:

Tại cấp sơ thẩm, bị cáo Ng yêu cầu bị cáo T bồi thường: tiền nằm viện 2.000.000 đồng, tiền thuốc 2.000.000 đồng, tiền trồng răng 10.000.000 đồng và tiền công không lao động được của bị cáo và con gái bị cáo mỗi ngày 300.000 đồng. Căn cứ vào các điều 584, 585, 586, 587, 590 Bộ luật Dân sự, HĐXX chấp nhận các khoản như sau:

- Về chi phí điều trị: gồm tiền xét nghiệm máu, tiền chụp X quang, tiền chụp cắt lớp, tiền khám bệnh, tiền chụp X quang răng, tổng là 649.000 đồng.

- Tiền công không lao động được của bị cáo Ng trong 11 ngày nằm viện là $11 \times 300.000 \text{ đồng/ ngày} = 3.300.000 \text{ đồng}$.

- Tiền công không lao động được của người phục vụ Ng trong 11 ngày nằm viện là $11 \times 300.000 \text{ đồng/ ngày} = 3.300.000 \text{ đồng}$.

Đối với tiền trồng răng: hồ sơ bệnh án thể hiện bị cáo chỉ bị nhổ răng R.1.2, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận chưa trồng răng, do vậy chưa có căn cứ chấp nhận yêu cầu này, bị cáo có quyền yêu cầu bồi thường bằng vụ án dân sự khác.

Tổng số tiền bị cáo T bồi thường cho bị cáo Ng là 7.249.000 đồng.

[2.4.3] Theo quy định tại khoản 2 Điều 590 Bộ luật Dân sự thì ngoài các khoản tiền trên, người bị xâm phạm sức khỏe còn được bồi thường khoản tiền khác để bù đắp tổn thất tinh thần, tuy nhiên hai bị cáo đều gây thương tích cho nhau nên không xem xét đến khoản tiền bồi thường này.

[2.5] Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu huỷ toàn bộ vật chứng là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

[3] Từ những phân tích trên, thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ng, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo của bị cáo Ng không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Ng, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 13/2024/HS-ST ngày 05/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

1. Về tội danh: tuyên bố bị cáo Lê Tự T và bị cáo Nguyễn Thị Ng phạm tội "Cố ý gây thương tích".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm s, x khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Tự T 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134, điểm i khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ng 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các điều 584, 585, 586, 587, 590 Bộ luật Dân sự:

3.1 Buộc bị cáo Ng bồi thường cho bị cáo T tổng số tiền 3.600.000 (ba triệu sáu trăm nghìn) đồng.

3.2 Buộc bị cáo T bồi thường cho bị cáo Ng tổng số tiền 7.249.000 (bảy triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn) đồng. Đối trừ với số tiền bị cáo Ng phải bồi thường cho bị cáo T, bị cáo T còn phải bồi thường cho bị cáo Ng là 3.649.000 (ba triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn) đồng.

4. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu huỷ 10 thanh tre đều bị gãy, vỡ mới, 01 lỗ điều bằng kim loại; 01 thanh kim loại hình dạng then cửa dài 32cm, phần gấp khúc dài 3,5cm đường kính 1,2cm; 01 chiếc ghế gỗ hai chân ghế có kích thước (28,5 x 7,5) cm, mặt ghế để ngồi gắn tấm nhựa cứng, tráng kim màu bạc, ghế đã cũ; 01 đồng tự chế dài 147cm, phần cán làm bằng kim loại tròn đường kính 2,5 cm dạng cán chổi lau nhà, vị trí tay cầm trên thân cán ốp nhựa màu tím và màu ghi trắng, phần đồng làm bằng kim loại có 3 thanh kim loại tròn đường kính 0,8cm một đầu được hàn lại với nhau gắn với cán bằng cao su màu đen và dây kim loại, phần mũi 3 thanh kim loại đều nhọn và bị hoen gỉ, đồng dài 30 cm, cán dài 117 cm.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Ng và bị cáo T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: bị cáo T phải chịu 362.000 (ba trăm sáu mươi hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Ng phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về án phí phúc thẩm: căn cứ Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án bị cáo Ng phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 03 tháng 5 năm 2024.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND, VKSND, CA h. Hưng Hà;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thị Minh Huệ

